

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG BÔNG
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2025/HNGĐ-ST

Ngày 29 – 4 – 2025

V/v: “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÔNG, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Văn Hồi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thường; Bà Lê Thị Nga.

- Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nga – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Bông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Bông tham gia phiên tòa: Ông Lâm Văn Tiến – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Krông Bông, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 56/2025/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2025, về việc: “Ly hôn”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/4/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trương Anh T, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Thôn N, xã Khuê Ngọc Đ, huyện Krông B, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

Bị đơn: Bà Võ Thị Mai, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Thôn N, xã Khuê Ngọc Đ, huyện Krông B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt – có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 10/3/2025, bản tự khai nguyên đơn ông Trương Anh T, trình bày:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Tôi và bà Võ Thị M chung sống với nhau từ năm 1988, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Khuê Ngọc Đ, huyện Krông B, tỉnh Đắk Lắk. Quá trình chung sống với nhau được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là

ghen tuông vô căn cứ, tự dựng chuyện không có nói cho có, xúc phạm tôi và dòng họ gia đình phía tôi, còn đe dọa tính mạng tôi. Nay xét chúng tôi không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, nên yêu cầu tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với bà Võ Thị M.

Tại Biên bản lấy lời khai, bị đơn bà Võ Thị M trình bày: tôi và ông Trương Anh T chung sống từ năm 1988, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Khuê Ngọc Đ, huyện Krông B, tỉnh Đắk Lắk. Chung sống với nhau hạnh phúc, ít khi xảy ra va chạm với nhau. Tuy nhiên, đến năm 2024 khi ông T có tiền riêng thì đi chơi bài, trai gái, không quan tâm đến vợ con. Nay ông T làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì tôi không đồng ý ly hôn, ông T muốn ly hôn thì tự giải quyết đơn phương một mình.

[2]. *Về con chung:* Ông T và bà M thống nhất khai: có 02 người con chung: Trương Thị Thảo T, sinh năm 1988; Trương Tuấn Đ, sinh năm 1994. Cả 02 người con chung đã trên 18 tuổi, đủ sức khỏe tự lo được cho bản thân nên không đặt ra để giải quyết.

[3] *Về tài sản chung và nợ chung:* Ông T và bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Võ Thị M có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay, ông Trương Anh T vẫn giữ nguyên quan điểm là xin được ly hôn với bà Võ Thị M, ông T cho rằng thời gian đầu chung sống cũng có mâu thuẫn gia đình nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ nhất, cách đây khoảng 3 năm bà M lúc nào cũng ghen tuông vô căn cứ, tự dựng chuyện không có nói cho có, xúc phạm, đe dọa tính mạng ông T, ông T đã không còn chung sống với bà M được 02 năm nên ông T xét thấy không thể tiếp tục chung sống với bà M được nữa. Về con chung: các con chung đều đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Võ Thị M có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Bông trình bày quan điểm đối với việc giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Quá trình thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý cho đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã giải quyết đúng trình tự, thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và đương sự đã chấp hành tốt

các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Bị đơn có đơn xin vắng mặt nên việc HĐXX vẫn tiến hành xét xử là bảo đảm đúng thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Nguyên đơn thực hiện quyền khởi kiện, cung cấp đủ tài liệu, chứng cứ chứng minh cho quyền và lợi ích hợp pháp của mình, bị đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình.

Qua chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do đương sự cung cấp và tòa án thu thập được công khai tại phiên tòa thì có đủ cơ sở xác định ông T và bà M mâu thuẫn gia đình đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình; Điều 227 và 228 BLTTDS; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho ông Trương Anh T được ly hôn với bà Võ Thị M. Về con chung: cả 02 người con chung đều đã đủ 18 tuổi nên không đặt ra để giải quyết. Các vấn đề khác đương sự không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

Về án phí: Ông Trương Anh T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày và xác nhận của đương sự trước phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX xét thấy:

[1] Về thẩm quyền: Vụ án “Ly hôn” giữa ông Trương Anh T với bà Võ Thị M, do bị đơn có nơi cư trú tại huyện Krông Bông nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Bông theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, do đó Tòa án nhân dân huyện Krông Bông thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền.

Bị đơn Võ Thị M có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Trương Anh T và bà Võ Thị M chung sống với nhau từ năm 1987, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Khuê Ngọc Đ, huyện Krông B, tỉnh Đắk Lắk theo giấy chứng nhận kết hôn số 48, ngày 01/8/1988. Chung sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn gia đình nhưng chỉ là những mâu thuẫn nhỏ nhất, ông T cho rằng bà M có tính hay ghen tuông vô căn cứ, khoảng 03 năm trở lại đây thì xảy ra cãi nhau thường xuyên, khi cãi nhau bà M có lời nói xúc phạm và còn đe dọa tính mạng ông T. Vợ chồng đã không còn chung sống với nhau được 02 năm, ông T xác định vợ chồng không còn tình cảm, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án nhân dân huyện Krông Bông giải quyết cho ông T được ly hôn với bà Võ Thị M. Bà Võ Thị M cho rằng ông T khi có tiền riêng thì đi chơi bời, trai gái và không quan tâm đến vợ, con, ông T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì bà M không đồng ý ly hôn, ông T muốn ly hôn thì tự giải quyết đơn phương một mình.

Qua lời trình bày của đương sự, HĐXX xét thấy giữa ông T và bà M thực tế có xảy ra mâu thuẫn gia đình, nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ việc ông T thường hay đi chơi mà không quan tâm đến bà M, bà M có tính ghen tuông vô căn cứ, khi xảy ra cãi nhau thì dùng lời nói mang tính xúc phạm nhau nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn gia đình, vợ chồng đã không còn chung sống với nhau được 02 năm, không còn quan tâm chăm sóc nhau, nay ông T yêu cầu giải quyết ly hôn. Căn cứ vào chứng cứ nêu trên để khẳng định giữa ông T và bà M mâu thuẫn gia đình đã đến mức trầm trọng, không còn có sự thương yêu, quan tâm chăm sóc lẫn nhau, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và không còn khả năng đoàn tụ. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông T cần được HĐXX chấp nhận, cho ông Trương Anh T được ly hôn với bà Võ Thị M là phù hợp theo quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Ông Trương Anh T và bà Võ Thị M có 02 người con chung, Cả 02 người con chung đã trên 18 tuổi, đủ sức khỏe tự lo được cho bản thân nên không đặt ra để giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông T và bà M thống nhất không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra để giải quyết.

3. *Về án phí:* Ông T phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 48; Điều 144, Điều 147; Điều 220; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 241; 266; 267; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trương Anh T, về việc “Ly hôn”.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trương Anh T được ly hôn với bà Võ Thị M.

[2] Về án phí: Ông Trương Anh T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000đ mà ông T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0007361 ngày 13/3/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Bông.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn là mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND H. Krông Bông;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS;
- UBND xã Khuê Ngọc Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Văn Hồi